

TỔNG CÔNG TY  
BƯU ĐIỆN VIỆT NAM  
**BƯU ĐIỆN TP.HỒ CHÍ MINH**

Số: 4924 /BDHCM-KD

V/v thay đổi giá cước dịch vụ

HCC áp dụng từ ngày 01/12/2018

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

TP.Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 11 năm 2018

Kính gửi: - 6 Bưu điện Trung tâm;  
- 3 Bưu điện Huyện.

- Căn cứ theo Thông tư số 22/2017/TT-BTTTT ngày 29/09/2017 của Bộ Thông Tin Truyền Thông về việc quy định mức giá cước tối đa và chính sách miễn, giảm giá cước dịch vụ nhận gửi hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính và dịch vụ chuyển trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích;
- Căn cứ theo Quyết định số 1268/QĐ-BĐVN ngày 11/11/2017 của Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam về việc ban hành giá cước dịch vụ hành chính công áp dụng thống nhất trên toàn quốc từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

Bưu điện TP.HCM triển khai đến các đơn vị trực thuộc giá cước và chính sách miễn, giảm giá cước dịch vụ nhận gửi hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính và dịch vụ chuyển trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích cụ thể như sau:

## I. GIÁ CƯỚC DỊCH VỤ

### 1. Giá cước dịch vụ nhận gửi hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính

Đơn vị tính: đồng

TT	Nấc khối lượng	Nội tỉnh		Liên tỉnh		
		Nội Quận/Huyện	Liên Quận/Huyện	Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Đến 100gr	26.000	30.000	30.500	31.000	31.500
2	Trên 100gr đến 250gr	26.000	30.000	31.000	34.000	38.000
3	Trên 250gr đến 500gr	26.500	30.500	32.500	38.000	51.000
4	Mỗi 500gr tiếp theo	2.200	2.900	3.600	6.300	9.700

*Ghi chú: giá cước trên đã bao gồm cước dịch vụ phát giấy hẹn trả kết quả (nếu có).*

### 2. Giá cước dịch vụ chuyển trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính

Đơn vị tính: đồng

TT	Nấc khối lượng	Nội tỉnh		Liên tỉnh		
		Nội Quận/Huyện	Liên Quận/Huyện	Vùng 1	Vùng 2	Vùng 3
1	Đến 100gr	26.000	30.000	30.500	31.000	31.500
2	Trên 100gr đến 250gr	27.000	31.000	32.000	35.000	39.000
3	Trên 250gr đến 500gr	28.500	32.500	34.500	40.000	53.000
4	Mỗi 500gr tiếp theo	2.200	2.900	3.600	6.300	9.700

*Ghi chú: giá cước trên đã bao gồm cước hoàn trả các giấy tờ đã thu hồi cho cơ quan có thẩm quyền (nếu có).*

### 3. Giá cước dịch vụ nhận gửi hồ sơ và chuyển trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính

- Giá cước dịch vụ nhận gửi hồ sơ và chuyển trả kết quả giải quyết TTHC bằng giá cước dịch vụ tiếp nhận hồ sơ cộng (+) với giá cước dịch vụ chuyển trả kết quả giải quyết TTHC quy định tại mục 1 và mục 2 nêu trên

#### ❖ Ghi chú:

- Dịch vụ nhận gửi hồ sơ giải quyết TTHC, dịch vụ chuyển trả kết quả giải quyết TTHC đề cập tại mục 1, 2, 3.nêu trên là đối tượng không chịu thuế GTGT.
- Giá cước tại mục 1, 2, 3 nêu trên chưa bao gồm giá cước dịch vụ chuyển nộp lệ phí. Trường hợp thủ tục hành chính có nộp lệ phí thì giá cước dịch vụ sẽ tính thêm cước chuyển nộp lệ phí theo quy định tại mục 4 dưới đây.

### 4. Cước dịch vụ khác

TT	Loại dịch vụ	Mức cước đã bao gồm VAT (đồng)
1	<b>Chuyển nộp lệ phí</b>	
	Dưới 500.000 đồng	8.000 đồng
	Từ 500.000 đồng đến 2.000.000 đồng	20.000 đồng
	Trên 2.000.000 đồng	1% số tiền thu hộ
2	<b>Dịch vụ báo phát</b>	5.000 đồng/hồ sơ, kết quả.

## II. VÙNG TÍNH CƯỚC

### 1. Nội tỉnh

- Nội Quận/Huyện: Áp dụng đối với hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính chuyển phát trong cùng quận, huyện của TP.HCM.
- Liên Quận/Huyện: Áp dụng đối với hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính chuyển phát giữa các quận, huyện của TP.HCM

### 2. Liên tỉnh

- Vùng 1: áp dụng hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính từ TP.HCM đi 22 tỉnh Khánh Hòa, Ninh Thuận, Lâm Đồng, Bình Phước, Tây Ninh, Bình Dương, Đồng Nai, Bình Thuận, Bà Rịa Vũng Tàu, Long An, Đồng Tháp, Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Vĩnh Long, Hậu Giang, Cần Thơ, An Giang, Kiên Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu và Cà Mau.
- Vùng 2: áp dụng hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính từ TP.HCM đi 11 tỉnh Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Kon Tum, Gia Lai, Bình Định, Phú Yên, Đắk Lắk và Đắk Nông.
- Vùng 3: áp dụng hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính từ TP.HCM đi 29 tỉnh Hà Giang, Cao Bằng, Lạng Sơn, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Lào Cai, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Yên Bái, Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Thái Nguyên, Hà Nội, Bắc Ninh, Bắc Giang, Hải Dương, Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Hưng Yên, Hà Nam, Hòa Bình, Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh và Quảng Bình.

### III. CHÍNH SÁCH MIỄN, GIẢM GIÁ CƯỚC

Miễn, giảm cước đối với tất cả các dịch vụ quy định trong mục I nêu trên cho các đối tượng sau:

#### 1. Đối tượng được miễn giá cước gồm:

- Người hoạt động cách mạng trước ngày Tổng khởi nghĩa 19 tháng 8 năm 1945;
- Bà mẹ Việt Nam anh hùng.

#### 2. Đối tượng được giảm 50% giá cước gồm:

- Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; Anh hùng Lao động;
- Thương binh và người hưởng chính sách như thương binh;
- Bệnh binh;
- Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học;
- Người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày;
- Vợ hoặc chồng, con đẻ, mẹ đẻ, bố đẻ của liệt sĩ;
- Người dân thuộc hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;
- Người dân ở vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

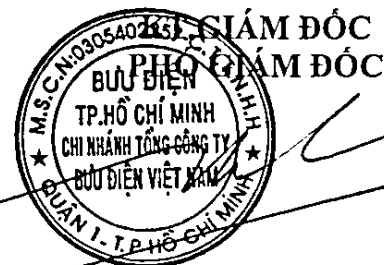
### IV. TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

- Phòng Tin học: Cập nhật giá cước trên chương trình.
- Phòng KTNV: Kiểm tra giá cước mới trên chương trình.
- Phòng Kinh doanh:
  - + Cập nhật thông tin giá cước mới vào bảng giá cước niêm yết tại các Bưu cục;
  - + Cập nhật thông tin giá cước mới trên web hcmpost.vn;

Trong quá trình thực hiện, mọi thắc mắc liên hệ Phòng Kinh doanh Bưu điện TP.HCM (chị Thúy Phượng – 38257799 - 0908880066) để phối hợp thực hiện./.

#### Nơi nhận :

- Như trên
- Giám đốc (để báo cáo);
- Các Phó Giám đốc (để biết);
- P.KTNV, TH, KTTKTC, TCLĐ (để th/hiện);
- Lưu: VT, KD (Thúy Phượng).



Nguyễn Hữu Thịnh